| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH TÂY NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 121 /2026/QĐ-UBND | *Tây Ninh, ngày 11 tháng 8 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Ban hành Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản ở vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;*

*Căn cứ Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Ban hành danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản ở vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản ở vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**Điều 2. Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản vùng nội địa**

**1. Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản vùng nội địa**

a) Nghề lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc).

b) Nghề lồng xếp (lờ dây, bát quái, dớn, lừ).

c) Các nghề: Đáy; xăm; chấn; xiệp; xịch; te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ.

d) Nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông).

**2. Quy định kích thước mắt lưới tối thiểu tại bộ phận tập trung thủy sản đối với ngư cụ khai thác nguồn lợi thủy sản vùng nội địa**

| TT | Tên loại ngư cụ | Kích thước mắt lưới quy định (2a(mm)) |
|---|---|---|
| 1 | Lưới vây | 18 |
| 2 | Đăng, nò, sáo | 18 |
| 3 | Lưới rê (lưới bén hoặc tên gọi khác theo vùng miền) | 40 |
| 4 | Lưới rê (cá linh) | 15 |
| 5 | Vó, rớ | 20 |
| 6 | Chài các loại | 15 |

**Điều 3. Tổ chức thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT UBMTTQ VN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công an tỉnh;
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, Luan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Lâm**